TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGD-ST
Ngày: 27 - 02 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Dương Thị Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Phương N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Dương Phương N trình bày: Chị và anh Phạm Thanh T có tìm hiểu và đăng kết hôn tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, ngày 07/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị cùng chung sống với

gia đình nhà chồng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chủ yếu liên quan đến vấn đề kinh tế do anh T chơi bời nợ nần nhiều ... Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt dẫn đến sống ly thân nhau một thời gian dài. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

Bị đơn anh Phạm Thanh T trình bày: Anh thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn và tình trạng hôn nhân mà chị N vừa trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo anh vợ chồng có thường xuyên cãi chửi nhau chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống gia đình. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con nhỏ. Nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đành phải chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn:

Về nuôi con: Chị N và anh T đều trình bày có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Dương K, sinh ngày 25/7/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa chị N trình bày: Hiện nay chị đang ở cùng với mẹ đẻ, nghề nghiệp đang làm công nhân tại khu Công nghiệp Điềm Thụy, công việc làm văn phòng thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng, chị có thời gian để chăm sóc và nuôi dưỡng con hơn anh T. Còn anh T do ham chơi nợ nần nhiều nếu cháu K ở với anh T thì sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của cháu, cháu K hiện nay dưới 36 tháng tuổi còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ hơn.

Tại phiên tòa anh T trình bày: Hiện nay anh đang ở cùng với bố mẹ đẻ, nghề nghiệp đang làm công nhân tại khu Công nghiệp Đ, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng, anh có thời gian để chăm sóc và nuôi dưỡng con hơn chị N, vì chị N làm công việc văn phòng không có thời gian quan tâm đến con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T đều không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con khi được trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về Tài sản chung và công nợ chung: Chị Ngân và anh Thiện đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc

và nuôi dạy con trưởng thành. Nhưng chị N và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Phạm Thanh T có địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2**] **Về nội dung:**

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Phương N và anh Phạm Thanh T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T chơi bời nợ nần xã hội nhiều, chị đã khuyên nhưng không từ bỏ được, hiện nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Còn anh T cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để con có bố, có mẹ vì con còn quá nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N với anh T đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ xong anh cũng không có biện pháp nào thuyết phục chị N về đoàn tụ mà vợ chồng hiện tại vẫn đang sống ly thân. Toà án đã kiên trì hoà giải nhưng các bên không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Hội đồng xét xử xác định: Quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị Ngân được ly hôn với anh T là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị N và anh T đều có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Dương K, sinh ngày 25/7/2017.

Do chị N và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu K, quá trình giải quyết vụ án cả hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng cần xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập, nơi sinh sống, và các yếu tố khác đảm bảo cho việc giao cho người có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K sinh sống, học tập và phát triển bình thường.

Về điều kiện làm việc và thu nhập: chị N và anh T đều trình bày làm công nhân tại Khu công nghiệp Đ-P, tỉnh Thái Nguyên và có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đồng/tháng, hiện anh chị đều ở chung với gia đình... Tuy nhiên, xét thấy cháu K hiện nay còn quá nhỏ (Cháu Phạm Dương K, sinh ngày 25/7/2017, đến nay dưới 36 tháng tuổi) rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do vậy, xét yêu cầu được nuôi con chung của chị N phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi cháu K là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Thanh T được trực tiếp nuôi cháu K.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

2.4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh T là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.5. Về Tài sản chung và công nợ chung: Chị N, anh T đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Dương Phương N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước;

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, khoản 2, khoản 3 Điều 81,82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Phương N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Phương N được ly hôn anh Phạm Thanh T.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Dương Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Dương K, sinh ngày 25/7/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Phương N không yêu cầu anh Phạm Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh Phạm Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Phương N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000931 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- T.H.A DS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung